

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 184/2022/DS-PT

Ngày: 20/12/2022

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Vĩnh Yên.**

Các Thẩm phán: Ông **Vũ Hồng Luyến.**

Bà Đỗ Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Ánh Nhi** – Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà **Trần Thị Loan** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2022/TLPT-DS ngày 21 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2022/QĐ-PT ngày 22 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 377/2022/QĐ-PT ngày 08/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giữa các đương sự :

+ Nguyên đơn: Ông **Vũ Tuấn T** – sinh năm: 1964.

Địa chỉ: tổ N, ấp M, xã C, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

+ Bị đơn: Ông **Tạ Tiến L** – sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Tổ N, ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Ông L có mặt, ông T xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

*** Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án , nguyên đơn ông **Vũ Tuấn T** trình bày:**

Xuất phát từ việc thỏa thuận mua bán cây gỗ giữa ông và ông **Tạ Tiến L**, cụ thể là ông có đặt cọc cho Ông **L** số tiền 190.000.000đ để mua gỗ cây gỗ cao su nhưng do thỏa thuận không thành nên Ông **L** đã thanh toán cho ông số tiền 90.000.000đ, còn lại số tiền 100.000.000đ chưa thanh toán. Nên vào ngày 10/8/2019, ông và Ông **L** đã thỏa thuận với nhau về việc chuyển số tiền trên thành tiền Ông **L** vay của ông số tiền 100.000.000đ. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, thời hạn vay là hết năm 2019

sẽ thanh toán tiền gốc. Ông có viết “Giấy vay tiền” ngày 10/8/2019 và Ông L ký, ghi rõ họ và tên vào “Giấy vay tiền”.

Quá trình thực hiện hợp đồng thì Ông L chỉ thanh toán được 2.000.000đ tiền lãi, không thanh toán tiền gốc cho ông như đã thỏa thuận mặc dù ông yêu cầu nhiều lần.

Việc vay tài sản nêu trên được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân của ông và vợ ông là bà Đặng Thị O – sinh năm: 1968. Tuy nhiên, đây là nợ riêng của ông không liên quan đến vợ ông.

Tại đơn khởi kiện, ông yêu cầu ông Tạ Tiến L có trách nhiệm thanh toán số tiền vay gốc là 100.000.000đ và tiền lãi trong hạn đến thời điểm khởi kiện là 64.000.000đ, tổng cộng là 164.000.000đ. Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, Ông L rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi là 29.000.000đ và chỉ yêu cầu số tiền vay gốc là 100.000.000đ và tiền lãi trên nợ gốc trong hạn là 35.000.000đ, tổng cộng là 135.000.000đ.

****Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Tạ Tiến L trình bày:***

Thực tế ông và ông T không thỏa thuận vay tài sản mà là hợp đồng mua bán cây gỗ. Theo đó, ông T mua lại vườn cây cao su của ông (do ông mua vườn của người khác) để khai thác gỗ với giá 1.185.000đ/tấn, với tổng cộng số tiền là 220.000.000đ. Ông T đã qua xem vườn cây cao su và đồng ý đặt cọc cho ông số tiền 190.000.000đ. Đến thời điểm khai thác nhưng do giá cây gỗ cao su xuống thấp nên ông T chỉ khai thác 01 chuyến mà không tiếp tục khai thác. Do đó, nên buộc ông phải tiến hành khai thác để trả lại đất cho chủ. Tuy nhiên, khi khai thác thì do giá thấp nên sau khi thanh toán tiền nhân công, chi phí thì ông chỉ thu lại được khoảng 100.000.000đ và ông đã thanh toán cho ông T số tiền 90.000.000đ.

Nên vào ngày 10/8/2019 ông T có viết “Giấy vay tiền” và đến nhà ông yêu cầu vợ chồng ông ký xác nhận nợ. Tuy nhiên, do vợ ông không liên quan nên vợ ông không đồng ý ký, còn ông T ép buộc ông ký tên vào Giấy vay tiền. Ông xác định chữ ký và chữ viết tại mục Người vay ở “Giấy vay tiền” ngày 10/8/2019 do ông T cung cấp do ông trực tiếp viết và ký. Ông không tự đọc nội dung “Giấy vay tiền” mà sau khi ông ký xong thì ông T có đọc cho ông nội dung về việc chuyển số tiền mua bán cây sang tiền vay và phải thanh toán lãi suất hàng tháng. Hai bên không thỏa thuận thời hạn vay và thỏa thuận lãi suất là 2%.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông đã thanh toán cho ông T số tiền lãi là 10.000.000đ, còn tiền gốc chưa thanh toán. Việc thanh toán tiền lãi thì ông giao bằng tiền mặt trong nhiều lần, trong đó có 01 lần giao cho con rể ông T với số tiền 2.000.000đ, còn các lần khác giao trực tiếp tiền cho ông T. Hai bên không làm giấy tờ biên nhận việc trả lãi, không có ai chứng kiến nên ông không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cả.

Sau đó, ông T nhiều lần yêu cầu ông thanh toán số nợ trên nhưng do ông chưa có tiền nên ông có hẹn là khi nào ông làm ăn có tiền sẽ thanh toán cho ông T số tiền gốc nêu trên.

Việc thỏa thuận chuyển số tiền nợ từ việc mua bán cây sang vay tài sản nêu trên được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân của ông và vợ ông là bà Nguyễn Thị N – sinh năm: 1976. Tuy nhiên, vợ ông không đến gặp ông T để thỏa thuận, ký nhận Giấy vay tiền, nhận tiền, thanh toán tiền lãi gì cả. Đây là giao dịch tài sản riêng của ông.

Do đó, thực tế ông T không tiếp tục mua thì phải cùng ông chịu thiệt hại khi giá gỗ cây cao su xuống thấp.

Vì vậy, nay ông T yêu cầu ông thanh toán số tiền vay gốc là 100.000.000đ và tiền lãi là 35.000.000đ, tổng cộng là 135.000.000đ thì ông không đồng ý thanh toán. Ngoài ra, ông không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

* Tại bản án sơ thẩm số: 25/2022/DSST ngày 06/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai đã tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Tuấn T đối với ông Tạ Tiến L về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với số tiền lãi là 29.000.000đ (Hai mươi chín triệu đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Tuấn T đối với ông Tạ Tiến L về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

- Buộc ông Tạ Tiến L phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Vũ Tuấn T số tiền nợ gốc là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi trên nợ gốc trong hạn là 33.000.000đ (Ba mươi ba triệu đồng), tổng cộng là 133.000.000đ (Một trăm ba mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Tuấn T đối với ông Tạ Tiến L về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với số tiền lãi trên nợ gốc là 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Ngoài ra còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 20/9/2022 bị đơn ông Tạ Tiến L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 25/2022/DSST ngày 06/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai và đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Bị đơn kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập làm rõ những chứng cứ và chưa xem xét đánh giá chứng cứ khách quan theo đúng quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xem xét giải quyết vụ án trên đúng theo quy định của pháp luật theo trình tự phúc thẩm để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Tại cấp phúc thẩm bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp. Vì vậy, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, không có cơ sở chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn. Về cách tuyên án của cấp sơ thẩm chưa phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Tạ Tiến L làm trong hạn luật định, nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về kháng cáo của bị đơn Tạ Tiến L: Cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập làm rõ những chứng cứ và chưa xem xét đánh giá chứng cứ khách quan theo đúng quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xem xét giải quyết vụ án trên đúng theo quy định của pháp luật và sửa án sơ thẩm. Tại cấp phúc thẩm bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Cấp sơ thẩm xử buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền là 100.000.000đ tiền gốc và 33.000.000đ tiền lãi tổng cộng là 133.000.000đ là đúng quy định của pháp luật. Bởi vì, ông Vũ Tuấn T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Tạ Tiến L thanh toán số tiền gốc là 100.000.000đ và tiền lãi 35.000.000đ. Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, ông T cung cấp chứng cứ là “Giấy vay tiền: Chuyển từ tiền đầu tư mua cây” ngày 10/8/2019. Nội dung Giấy vay tiền, chữ ký và chữ viết ghi “*Tạ Tiến L*” tại mục “Người vay” Ông L thừa nhận ông có viết ký vào giấy vay tiền. Các đương sự đều thừa nhận nội dung tại “Giấy vay tiền: Chuyển từ tiền đầu tư mua cây” ngày 10/8/2019 mà nguyên đơn cung cấp là đúng sự thật.

Bị đơn ông Tạ Tiến L có ý kiến là ông bị ép buộc ký tên và ông không được đọc nội dung trước khi ký mà chỉ được ông T đọc lại nội dung sau khi ký. Tuy nhiên, Ông L không có tài liệu, chứng cứ chứng minh bị ép buộc và thừa nhận đã biết rõ nội dung thể hiện giao dịch vay tài sản nhưng không có ý kiến gì.

Do đó, có đủ cơ sở kết luận hợp đồng vay tài sản giữa ông Vũ Tuấn T và ông Tạ Tiến L theo “Giấy vay tiền: Chuyển từ tiền đầu tư mua cây” ngày 10/8/2019 là thực tế, đúng sự thật và được xem xét giải quyết.

Tại đơn khởi kiện, ông T yêu cầu số tiền lãi trong hạn là 64.000.000đ. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T rút một phần yêu cầu thanh toán tiền lãi là 29.000.000đ và yêu cầu Ông L thanh toán số tiền lãi đến thời điểm khởi kiện là 35.000.000đ. Việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, trái đạo đức xã hội. Xác định việc thay đổi giảm số tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn không phải là rút yêu cầu khởi kiện nhưng cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Tuấn T đối với ông Tạ Tiến L đối với số tiền lãi 29.000.000đ là không cần thiết vì đây là việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào “Giấy vay tiền: Chuyển từ tiền đầu tư mua cây” ngày 10/8/2019 và sự thừa nhận của đương sự, xác định hai bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng. Do đó, yêu cầu tính lãi theo thời gian chậm trả của ông T là có cơ sở nên được xem xét. Nhưng do lãi suất 2%/tháng theo thỏa thuận của các đương sự vượt quá mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nếu tính theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì số tiền lãi được tính như sau:

Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả = $100.000.000đ \times 1,66\%/tháng \times 03$ năm 0 tháng 27 ngày (ngày 10/8/2019 đến ngày 06/9/2022) = 61.254.000đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi trên nợ gốc trong hạn là 35.000.000đ là thấp hơn tiền lãi tính theo quy định của pháp luật, có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận.

Đối với Ông L trình bày ông đã thanh toán tiền lãi với số tiền 10.000.000đ. Ông T chỉ thừa nhận đã nhận số tiền lãi 2.000.000đ, ông T yêu cầu trả tiền lãi là 35.000.000đ do đó cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu trả lãi đối với nguyên đơn và đã trừ 2.000.000 đồng tiền lãi do Ông L trả còn lại tiền lãi là 33.000.000 đồng Ông L phải trả cho ông T. Nhưng cấp sơ thẩm đã tuyên án không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Tuấn T đối với ông Tạ Tiến L về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với số tiền lãi trên nợ gốc là 2.000.000đ là không cần thiết vì đã trừ nghĩa vụ trả lãi của bị đơn như đã nêu trên.

Cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Tuấn T đối với ông Tạ Tiến L về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc Ông L phải trả tiền gốc là 100.000.000đ và tiền lãi là 33.000.000đ, tổng cộng gốc lãi là 133.000.000đ là đúng quy định của pháp luật.

Do đó kháng cáo của Ông L không được chấp nhận; Giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm, sửa về cách tuyên án.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông L phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự. Sửa một phần bản án sơ thẩm về cách tuyên.

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148, Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 357, 463, 464, 465, 466, 467, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Tuấn T đối với ông Tạ Tiến L về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Tạ Tiến L phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Vũ Tuấn T số tiền nợ gốc là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi là 33.000.000đ (Ba mươi ba triệu đồng), tổng cộng là 133.000.000đ (Một trăm ba mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì bên phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015

2. Về án phí:

Ông Tạ Tiến L phải chịu 6.650.000đ (Sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Vũ Tuấn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng ông T được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.100.000đ (Bốn triệu một trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002609 ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Nai. Trả lại cho ông Vũ Tuấn T 3.800.000đ (Ba triệu tám trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Tạ Tiến L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng Ông L được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002742 ngày 20/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Ông L đã nộp đủ tiền án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh ĐN;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Vĩnh Yên

